

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DSST
Ngày 27 - 6- 2023
V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn

Bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiên Phúc– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội: Bà Khuất Thị Mỹ Dung– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- DS ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* + Chị **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1963; có mặt

+ Bà **Khuất Thị C**, sinh năm 1941; vắng mặt và ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Bích L.

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, huyện P, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Diệu Th**, sinh năm 1984; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, huyện P, TP Hà Nội

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hồ A**, sinh năm 1980

HKTT: Thôn Tr, xã Th, huyện P, TP Hà Nội

Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Suối Hai. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Gia đình chị Nguyễn Thị Bích L và gia đình chị Nguyễn Thị Diệu Th có quan hệ quen biết vì là người cùng xóm, mặt khác, em trai của chị L là anh Nguyễn Quốc C1 là bạn bè thân thiết với chồng chị Th là anh Nguyễn Hồ A. Do vậy, theo nguyên đơn khai,

khi chị Th hỏi vay tiền để lập công ty hay kinh doanh gì đó thì chị L đồng ý cho vay. Cụ thể vào ngày 01/4/2012, chị L cho chị Th vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Tuy nhiên, trước đó chị Th có nhiều lần vay của bà Khuất Thị C (là mẹ đẻ chị L) tổng số tiền là 60.400.000đ. Vì vậy, ngày 01/4/2012, chị Th nhận của chị L số tiền 700.000.000đ và đã viết giấy nhận nợ gộp cả số tiền đã vay của bà C với tổng số là 760.400.000đ. Sau khi giao tiền, chị L đưa cho chị Th mẫu Giấy nhận vay tiền và chị Th tự viết giấy này ở tại nhà chị L. Mặc dù, giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau là có lãi. Chị L không nhớ lãi suất bao nhiêu vì thực tế kể từ khi cho vay đến nay, chị Th không trả tiền lãi cho chị L. Mặc dù, chị L đã nhiều lần đòi từ cuối năm 2012 nhưng chị Th không trả tiền lãi và cũng không trả tiền gốc. Đến nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Th trả nợ cho chị L 700.000.000đ và trả nợ cho bà C 60.400.000đ. Do bà C già yếu nên ủy quyền cho chị L toàn quyền giải quyết và quyết định mọi vấn đề L quan đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu chị Th trả nợ tổng số tiền là 760.400.000đ tiền gốc và không yêu cầu tiền lãi.

Chị Nguyễn Thị Diệu Th trình bày:

Chị công nhận về quan hệ giữa hai bên gia đình như chị L trình bày là đúng. Chị Th công nhận ngày 01/04/2012 có viết giấy nhận vay tiền đối với bà Khuất Thị C và chị Nguyễn Thị L với tổng số tiền là 760.400.000đ. Nhưng thực tế ngày hôm đó, chị không được nhận số tiền 700.000.000đ của chị L và trước đó chị cũng không vay số tiền 60.400.000đ của bà C như chị L khai. Chị viết giấy nhận vay tiền là vì trước đó, chị có vay của chị L số tiền 860.000.000đ vào ngày 19/7/2011 (AL), lãi suất chị L cho vay cụ thể là:

- + Từ ngày 19/7/2011 (AL) đến ngày 18/8/2011 lãi suất là 3.000đ/ngày/1 triệu
- + Từ ngày 19/8/2011 đến ngày 18/9/2011 lãi suất 4.000đ/ngày/1 triệu
- + Từ ngày 19/9/2011 đến ngày 18/10/2011 lãi suất 4.500đ/ngày/1 triệu
- + Từ ngày 19/10/2011 đến ngày 18/11/2011 lãi suất 5.000đ/ngày/1 triệu

Chị Th đã trả được 419.680.000đ tiền lãi của số tiền gốc là 860.000.000đ. Toàn bộ số tiền chị trả lãi cho chị L không có giấy tờ và không có ai chứng kiến.

Kể từ ngày 19/11/2011 đến nay, chị Th không trả được tiền lãi cho chị L nên ngày 01/4/2012, chị L tính tiền lãi đến ngày 01/4/2012 là 760.400.000đ và yêu cầu chị viết giấy nhận nợ. Nay chị L yêu cầu chị trả nợ tổng số tiền 760.400.000đ theo giấy nhận nợ ngày 01/4/2012 thì chị không đồng ý vì đây không phải là số tiền gốc đã vay của chị L và bà C mà chỉ là tiền lãi của khoản vay trước đó. Chị Th công nhận có vay của chị L 860.000.000đ tiền gốc đến nay chưa trả vì chị nhận số tiền 860.000.000đ của chị L và có tự viết giấy nhận vay tiền vào thời gian ngày 19/7/2011 (ÂL). Mặc dù chị Th đã trả tiền lãi cho chị L, nhưng chị không có giấy tờ gì nên đến nay chị cũng không có ý kiến gì về số tiền lãi mà chị khai đã trả cho chị L là 419.680.000đ. Quan điểm của chị đồng ý trả nợ chị L số tiền gốc 860.000.000đ với điều kiện chị L phải xuất trình bản gốc giấy nhận nợ này. Còn khoản nợ 760.400.000đ mà chị L yêu cầu trả nợ thì chị không đồng ý.

Chị L khẳng định không có giấy nhận vay tiền nào do chị Th viết với số tiền 860.000.000đ như chị Th khai. Chị chỉ có giấy nhận vay tiền ngày 01/4/2012 do chị Th viết

với số tiền 760.400.000đ nên chị yêu cầu chị Th phải trả chị số tiền 760.400.000đ. Chị khẳng định kể từ khi cho chị Th vay tiền đến nay chị Th không trả được một đồng tiền lãi nào. Thậm chí chị bảo chị Th mỗi tháng trả dần cho chị một triệu đồng thì dần dần cũng sẽ trả hết số tiền mà chị cho chị Th vay, nhưng chị Th không trả được.

Anh Nguyễn Hồ A trình bày: Anh là chồng của chị Th. Vào cuối năm 2011, đầu năm 2012, anh làm dự án nên có vay tiền của chị Nguyễn Thị Bích L vì anh là bạn với anh Nguyễn Quốc C1 – em trai chị L. Anh đã vay tiền của chị L nhiều lần, thường là vay một thời gian rồi lại trả. Các lần vay đều trả lãi đầy đủ. Khoản vay cuối cùng (anh không nhớ thời gian, địa điểm vay) là anh vay số tiền khoảng 800.000.000đ. Khi đó, anh làm giấy biên nhận có cả hai vợ chồng anh cùng ký. Sau đó, anh đã thanh toán toàn bộ khoản vay này cho chị L. Anh chỉ vay tiền của chị L chứ không giao dịch gì với bà C – mẹ chị L.

Khoảng đầu năm 2012, khi anh đi làm công trình vắng nhà thì chị Th gọi điện thông báo việc chị L đòi tiền lãi của khoản vay hơn 800.000.000đ đã trả. Anh có bảo chị Th là cứ viết cho chị L một giấy nhận nợ, sau này còn bao nhiêu anh sẽ trả nốt. Sau đó, anh có nghe chị Th nói lại là chị Th đã ký giấy nhận nợ với số tiền khoảng 700.000.000đ. Do cuối năm 2012, đầu năm 2013, dự án của anh không có tiền về nên anh không trả được nợ.

Đến năm 2017, anh phải chấp hành án phạt tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, vợ chồng anh không có khả năng để trả số tiền này cho chị L.

Về tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai trên thì anh không có giấy tờ tài liệu gì. Theo anh biết thì vợ anh có ghi âm được cuộc trao đổi với chị L về khoản nợ này và chị Th vợ anh sẽ cung cấp cho Tòa án.

Nay chị L khởi kiện đòi vợ chồng anh số tiền 760.400.000đ thì anh không chấp nhận trả số tiền này cho chị L vì đó là tiền lãi và trước đây anh đã vay chị L nhiều lần, đã trả gốc lãi đầy đủ. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa: - Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc chị Th phải trả cho chị và bà C số tiền gốc đã vay là 760.400.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Chị Th khẳng định “Giấy nhận vay tiền” ghi ngày 01/4/2012 là có thật và do chính tay chị ký. Song chị không được nhận số tiền ghi trong giấy mà đó là tiền lãi của 02 giấy vay tiền trước đó, mỗi giấy vay ghi 600.000.000đ, tổng là 1.200.000.000đ mà trước đó vợ chồng chị đã vay và ký nhận nợ. Hai giấy này do chị L giữ. Do vậy chị Th không đồng ý trả khoản nợ này theo yêu cầu của chị L và bà C.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành

đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ các Điều 288, Điều 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L và bà Khuất Thị C. Buộc chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải trả số tiền 760.400.000 đồng cho bà L và bà C.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả bà L và bà C số tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện chị Nguyễn Thị Diệu Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã Th, huyện P, Thành phố Hà Nội yêu cầu chị Th trả khoản tiền vay theo giấy nhận nợ ghi ngày 01/4/2012. Tuy nhiên, tính đến thời điểm khởi kiện thì đã hết thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 nên đây không phải là tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà là tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản giữa hai cá nhân nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hồ A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt do anh đang chấp hành án phạt tù nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồ A là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị L và bà C yêu cầu chị Th trả khoản tiền mà chị Th đã vay của chị L là 700.000.000đ và vay của bà C là 60.400.000đ theo “Giấy nhận vay tiền” ghi ngày 01/4/2012.

Chị Th thừa nhận chị có ký “Giấy nhận vay tiền” ghi ngày 01/4/2012 ghi số tiền vay là 760.400.000đ, song đây không phải là tiền vay mà là tiền nợ lãi của khoản vay trước đó vợ chồng chị đã ký vay, quá trình giải quyết tại Tòa án thì chị khai số tiền đã vay là 860.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay chị lại khai là 1.200.000.000đ. Do vậy chị Th không đồng ý trả khoản tiền này mà chỉ đồng ý trả chị L số tiền 1.200.000.000đ nếu chị L xuất trình được giấy nhận nợ vợ chồng chị đã ký.

HĐXX thấy rằng, chị L đã cam kết ngoài giấy mà chị Th nhận nợ ghi ngày 01/4/2012 thì chị L không còn giấy nhận nợ nào khác của riêng chị Th. Còn vợ chồng chị Th có còn giấy vay nợ nào khác không thì chị không nhớ.

Chị Th và anh Hồ A đều khai số tiền 760.400.000đ là tiền lãi của khoản vay khác nhưng vợ chồng chị Th không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh điều này. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị Th có nộp một USB mà theo chị Th trong đó có file ghi âm nội dung cuộc điện thoại trao đổi giữa chị L và chị Th để chứng minh việc này. Tòa án đã tiến hành mở file nhưng không nghe được nội dung. Do vậy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn vẫn không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh khoản tiền ghi trong Giấy nhận vay tiền ghi ngày 01/4/2012 là tiền lãi của khoản vay khác. Vì thế lời khai của vợ chồng chị Th là không có cơ sở xem xét.

HĐXX thấy rằng giữa vợ chồng chị Th và chị L, bà C có quan hệ vay nợ, “Giấy nhận vay tiền” ghi ngày 01/4/2012 đúng là do chị Th ký, vợ chồng chị Th không chứng minh được khoản tiền 760.400.000đ này là tiền lãi của khoản vay khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi nên HĐXX không phải xem xét.

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện ...”*

Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện chị Th vì giấy nhận nợ do một mình chị Th ký. Song anh Nguyễn Hồ A là chồng chị Th thừa nhận quan hệ vay nợ giữa hai bên và đã có giao dịch nhiều lần và phục vụ việc làm ăn của vợ chồng anh chị nên HĐXX thấy cần buộc cả hai vợ chồng chị Th, anh Hồ A cùng chịu trách nhiệm liên đới trả tiền cho nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Bích L.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 471; 472; 473; 474; 476; 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 275, 166, 288, 357, 429, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L và bà Khuất Thị C:

Buộc chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền gốc là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và trả cho bà Khuất Thị C số tiền gốc là 60.400.000đ (*Sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tổng cộng số tiền chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải trả chị L, bà C là 760.400.000đ (*Bảy trăm sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu Th và anh Nguyễn Hồ A phải chịu 34.416.000đ (*Ba mươi tư triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 17.200.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 0040349 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

